

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ tại Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 và của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) tại Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 14/11/2022 thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Thực hiện Chương trình hành động số 42-CTr/TU, ngày 14/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN

1. Mục tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành nông nghiệp toàn tỉnh phấn đấu đạt bình quân từ 2,8 - 3,3%/năm; năng suất lao động nông nghiệp bình quân tăng từ 7 - 8%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 10%/năm.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%, trong đó có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có từ 10 - 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có ít nhất 07 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 03 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phấn đấu tăng từ 2 - 2,5 lần so với năm 2020.

- Phấn đấu tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 30%; bình quân hàng năm đào tạo nghề khoảng 3.000 lao động nông thôn.

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 43%, nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%¹.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Nông dân và cư dân nông thôn Bình Thuận văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, bền vững, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước. Xây dựng nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Truyền thông, thống nhất nhận thức, hành động về nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII); Nghị quyết số 26/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 42-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV) và Kế hoạch này.

Tổ chức quán triệt và thực hiện tuyên truyền, giáo dục, vận động sâu rộng toàn xã hội về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Thay đổi tư duy của cả hệ thống chính trị về chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, chuyển mạnh từ sản xuất lấy số lượng làm mục tiêu sang nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng được các tiêu chuẩn cao của khu vực và thế giới.

Thực hiện tuyên truyền thông qua các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và các hình thức khác để phổ biến thông tin phù hợp với từng nhóm đối tượng, hướng tới nhận thức, hành động đúng, đầy đủ, toàn diện và có kết quả, hiệu quả thực chất nhằm tạo đồng thuận xã hội và vào cuộc của cả hệ thống chính trị triển khai thực hiện các nội dung về nông nghiệp, nông dân, nông thôn và các cơ chế, chính sách có liên quan.

2. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn; tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất,

¹ Các mục tiêu đến năm 2030 theo Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 14/11/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIV).

bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, làm giàu từ nông nghiệp, nông thôn. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn.

Bảo đảm quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái; đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển, dịch vụ cơ bản ở khu vực nông thôn. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm, khuyến khích, nâng nhanh tỷ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế. Ưu tiên nguồn lực đầu tư đối với các huyện, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao.

3. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học công nghệ cao, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 07/01/2022 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 10/9/2021 của Tỉnh ủy (khóa XIV) về phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng cao.

Cơ cấu lại ngành kinh tế nông nghiệp bảo đảm thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương. Hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai ở những nơi có điều kiện; phát triển nông nghiệp hiện đại, chuyên canh, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học công nghệ cao và chuyển đổi số, cơ giới hóa, tự động hóa; gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính; tăng cường quản lý, sử dụng và kinh doanh vật tư nông nghiệp hướng tới nền sản xuất nông nghiệp chuyên nghiệp, có trách nhiệm, hữu cơ.

3.1. Định hướng theo nhóm sản phẩm chủ lực:

- Đối với nhóm sản phẩm chủ lực cấp tỉnh: Đẩy mạnh sản xuất theo các quy trình sản xuất tốt và tương đương, tăng cường chế biến để đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các sản phẩm có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc.

- Đối với nhóm sản phẩm đặc sản địa phương có quy mô nhỏ, tập trung vào các sản phẩm đặc sản nhằm phát huy bản sắc, lợi thế của các địa phương, gắn với xây dựng nông thôn mới theo mô hình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP).

3.2. Định hướng phát triển theo từng lĩnh vực sản xuất:

Về trồng trọt, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP..., có điều kiện kết hợp nông nghiệp với du lịch sinh thái. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến, giảm sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc vô cơ; khuyến khích sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ, phát triển cây dược liệu, phân dậu đưa cây dược liệu trở thành một trong những sản phẩm chủ lực của ngành nông nghiệp Bình Thuận.

Về chăn nuôi, phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Kiên quyết di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung. Xử lý triệt để tình trạng sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hóa chất không rõ nguồn gốc trong chăn nuôi; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống thú y, đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh.

Về thủy sản, phát triển nghề cá có trách nhiệm, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế; nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ, tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản đa dạng theo điều kiện sinh thái từng vùng, tiếp cận và ứng dụng công nghệ cao tạo đột phá trong nuôi trồng thủy sản trên biển; tiếp tục giữ vững uy tín, chất lượng tôm giống Bình Thuận. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ, tái tạo, phục hồi nguồn lợi thủy sản, bảo tồn hệ sinh thái biển gần bờ; ngăn chặn có hiệu quả tình trạng khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng thủy sản đồng bộ, hiện đại; ưu tiên khơi thông luồng lạch, xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Về lâm nghiệp, tập trung quản lý chặt chẽ, bảo vệ và sử dụng bền vững rừng tự nhiên hiện có; tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển, phục hồi rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, đầu nguồn, nơi có nguy cơ sạt lở. Bảo vệ nghiêm ngặt, nâng cao chất lượng rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, nhất là những khu vực nhạy cảm về môi trường, chú trọng phát triển rừng ven biển.

Hình thành vùng nguyên liệu gỗ, nâng cao chất lượng rừng trồng, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn có giá trị kinh tế cao gắn với phát triển công nghiệp chế biến

gỗ và sản phẩm gỗ cao cấp. Thực hiện tốt các quy định của Trung ương về phát triển kinh tế rừng, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân sống ở khu vực có rừng, phát triển mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng, các dịch vụ môi trường rừng và các loại hình du lịch sinh thái.

3.3. Đổi mới tổ chức, hợp tác, liên kết, phát triển chuỗi giá trị:

Đổi mới và tổ chức lại sản xuất ngành nông nghiệp theo mô hình hợp tác xã hợp tác, liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, tích hợp đa giá trị, liên ngành, liên vùng. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất gắn với chế biến, phân phối, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Dựa vào các vùng chuyên canh hàng hóa quy mô lớn của các sản phẩm chủ lực, phát triển hợp tác xã, giảm dần các khâu trung gian, tăng cường liên kết với các doanh nghiệp chế biến hoặc thương mại lớn để hình thành các chuỗi giá trị; lấy chuỗi giá trị của các nông sản để kết nối các vùng chuyên canh nhỏ.

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển mạnh từ sản xuất lấy số lượng làm mục tiêu sang nâng cao chất lượng, hiệu quả, đáp ứng được các tiêu chuẩn cao của khu vực và thế giới. Nhân rộng, phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản có giá trị gia tăng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Xây dựng thí điểm và phát triển mô hình nông nghiệp kết hợp dịch vụ (du lịch trải nghiệm, dịch vụ bảo vệ môi trường,...).

4. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy mạnh phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới, sáng tạo. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, logistics, thương mại điện tử ở nông thôn.

Phát triển mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phù hợp với quy hoạch và điều kiện cụ thể tại địa phương; ưu tiên thu hút đầu tư công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

Phát triển mạnh kinh tế dịch vụ ở khu vực nông thôn, đa dạng hóa các loại hình, quy mô... để tạo việc làm, thu hút lực lượng lao động tham gia sản xuất nông nghiệp.

Bảo tồn, phát triển các nghề truyền thống, làng nghề; phát triển đa dạng dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái. Xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn; rà soát, đầu tư, nâng cấp hệ thống chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu của người dân.

5. Phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa

Ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, nhất là hạ tầng tạo động lực tăng trưởng, hạ tầng thúc đẩy liên kết vùng, liên kết ngành, hạ tầng kinh tế số; hạ tầng thuộc các vùng khó khăn, khu vực chịu ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu; nâng cấp, bảo đảm an toàn các công trình thuỷ lợi, phòng, chống thiên tai, khu neo đậu tránh trú bão, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông thôn nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội phát triển kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; đồng thời với nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước.

Triển khai hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia khác trên địa bàn tỉnh. Xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, bền vững gắn với đô thị hóa, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Quy hoạch, kiến trúc khu dân cư, công trình, nhà ở phù hợp với truyền thống văn hóa, cảnh quan, môi trường, điều kiện thực tế từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cải thiện điều kiện sống, nhà ở, đổi mới tư duy, nếp sống, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, nhất là các khu vực ven đô thị lớn, thị trấn, từng bước tiệm cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị; ưu tiên đầu tư vào các vùng khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã bãi ngang, xã đảo, phấn đấu không để chênh lệch lớn giữa các vùng.

Xây dựng cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, văn minh, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là xử lý rác thải, nước thải. Huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP).

Xây dựng nông thôn mới thông minh, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số nhằm thay đổi căn bản hoạt động quản lý, điều hành, giám sát của cơ quan chính quyền.

6. Về chính sách nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Cụ thể hóa, triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh.

Xử lý triệt để những vướng mắc, tồn tại về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường. Tiếp tục sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước về lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

Khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp nông thôn và hộ nông thôn; nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề ở nông thôn. Phát huy vai trò của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn trong việc cung cấp tín dụng đối với hộ sản xuất nông nghiệp, nhất là với hộ nghèo và các đối tượng chính sách.

7. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

7.1. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo:

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân nâng cao năng lực ứng dụng, tiếp nhận chuyển giao khoa học công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường; thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ thực sự trở thành động lực quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học có trọng tâm, trọng điểm gắn với chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến và chuyển đổi số, coi đây là một trong những động lực và giải pháp có tính chất quyết định sự thành công của tái cấu trúc ngành nông nghiệp². Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao và thành quả của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4, bao gồm công nghệ sinh học, công nghệ số, công nghệ thông tin trong các khâu của chuỗi giá trị, kết nối đồng bộ với các ngành, lĩnh vực khác để hình thành nền sản xuất nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.

² Ưu tiên nghiên cứu phát triển hệ thống sản xuất sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, thân thiện với môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính; phát triển công nghệ chế biến sâu, công nghệ bảo quản, giảm tổn thất, lãng phí trong hệ thống lương thực, thực phẩm.

Thực hiện tốt công tác đặt hàng và đấu thầu nhiệm vụ khoa học công nghệ nhằm khuyến khích rộng rãi nhiều thành phần tham gia nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ (nhà nước - tổ chức nghiên cứu - doanh nghiệp - tổ chức chuyển giao và nông dân) nhằm gắn chặt chẽ với yêu cầu thực tiễn.

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động khuyến nông, khuyến công theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh và kết nối cung - cầu, phát triển khuyến nông điện tử, khuyến nông cộng đồng hoạt động có hiệu quả ở cơ sở (cấp xã); trực tiếp chuyển giao công nghệ cho nông dân. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm.

7.2. Đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn:

Tạo đột phá trong phát triển nhân lực, đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn. Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động gắn với giải quyết việc làm. Mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, khoa học công nghệ, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu lao động ở nông thôn, chuyển đổi nghề nghiệp và xuất khẩu lao động.

Đổi mới hình thức tổ chức và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho nông dân, lao động trẻ nông thôn muốn khởi nghiệp các kỹ năng về nông nghiệp, kỹ năng mới đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và thực hiện chuyển đổi số, kinh tế số theo hướng “trí thức hóa nông dân”; phát huy mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo của người dân nông thôn; chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường.

7.3. Thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn:

Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường,...); kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

Phát triển các mô hình nông nghiệp thông minh ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp nông thôn, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm tạo sự minh bạch thông tin, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Thúc đẩy nhanh quá trình hỗ trợ nông dân chuyển đổi số trong sản xuất và tiêu thụ nông sản.

8. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh. Triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn theo hướng gắn với các mục tiêu tăng trưởng xanh, phát triển bền vững; phát triển nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu³. Phát triển các mô hình sử dụng phụ phẩm nông nghiệp như một nguồn tài nguyên tái tạo, bền vững. Tăng cường trồng rừng, phát triển các cây lâu năm có sinh khối lớn.

Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp cả về số lượng, chất lượng; quan tâm chống sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, thoái hoá đất. Bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng, nguồn lợi thủy, hải sản, thường xuyên khảo sát, đánh giá trữ lượng tài nguyên sinh học trên biển để điều tiết năng lực đánh bắt và bảo tồn đa dạng sinh học.

Quyết liệt xử lý, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường; quan tâm cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường sống, cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường cho người dân khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động số 46-CTr/TU, ngày 26/12/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIV) về thực hiện Kết luận số 36-KL/TW ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về đảm bảo an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Thực hiện tốt các quy định của Trung ương về thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, khí metal và chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp.

9. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học công nghệ

Chú trọng việc phát triển thị trường nông sản trong nước, giữ ổn định các thị trường truyền thống, mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tránh phụ thuộc vào một số ít thị trường, nhất là sản phẩm thanh long, thủy sản. Chuyển mạnh từ xuất khẩu tiểu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch đối với các sản phẩm chủ lực; xã hội hóa xây dựng các trung tâm phân phối, trung chuyển hàng hóa, hệ thống kho, phương tiện bảo quản, đa dạng hoá phương thức vận tải. Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến thương mại dựa trên cơ sở ứng

³ Phát triển nuôi trồng thủy sản ở những vùng nước biển dâng, xâm nhập mặn nếu có; chuyển sang trồng hoa màu và cây trồng cạn ở những nơi giảm lượng mưa,... Làm đất tối thiểu, bón phân và phun thuốc thông minh, tưới tiết kiệm nước, chăn nuôi tiết kiệm nước, sử dụng các giống cây trồng, vật nuôi có khả năng chống chịu...

dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, chủ động phòng chống gian lận thương mại.

Với thị trường trong nước: Kết nối hệ thống chế biến, phân phối với các vùng chuyên canh để đưa nông sản vào các hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trong nước. Đẩy mạnh cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”, tạo điều kiện các đơn vị sản xuất kinh doanh phát triển thương mại điện tử, xây dựng các kênh phân phối, liên kết trực tiếp giữa vùng sản xuất với thị trường tiêu thụ sản phẩm cuối cùng.

Với thị trường xuất nhập khẩu: Giữ ổn định các thị trường truyền thống, mở rộng thị trường mới, tránh phụ thuộc vào một vài thị trường, không khuyến khích hình thức buôn bán tiểu ngạch qua biên giới. Tiếp tục xây dựng, phát triển thương hiệu hàng nông lâm thủy sản của tỉnh, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển thị trường xuất khẩu, chủ động tham gia chuỗi cung ứng nông sản toàn cầu.

Xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu gắn với phát triển, nhân rộng thực hiện cấp mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc nông sản, nhất là đối với các nhóm nông lâm thủy sản xuất khẩu. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về chất lượng an toàn thực phẩm, gian lận xuất xứ, gian lận thương mại để giữ uy tín cho nông sản tại thị trường trong nước và quốc tế.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích đầu tư vào phát triển công nghiệp, dịch vụ phục vụ ở nông thôn.

10. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền và tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước các cấp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ các cấp.

- Tinh giảm thủ tục, minh bạch thông tin, quy trình hóa công việc gắn với trách nhiệm cụ thể từng cá nhân, tổ chức. Phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành nông nghiệp, thực hiện tư vấn, đối thoại thường xuyên với đại diện nông dân và doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, phân cấp cho các tổ chức nông dân, tư nhân tham gia cung cấp dịch vụ công (khuyến nông, nghiên cứu khoa học, thông tin thị trường,...). Phối hợp đồng bộ công tác kiểm dịch, dự báo, cảnh báo, chỉ đạo can thiệp và tư vấn phòng chống, kiểm soát hàng hóa, kiểm soát thị trường, kiểm tra sản xuất, thông tin dịch bệnh...

Phát huy vai trò, tạo điều kiện cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong tỉnh tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

11. Nguồn vốn thực hiện

Thực hiện đa dạng nguồn vốn huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để triển khai thực hiện Kế hoạch. Phân bổ các nguồn lực ưu tiên cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII).

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm (chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên) theo phân cấp nhà nước hiện hành.

- Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án đầu tư công.

- Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tổ chức cá nhân trong, ngoài nước và kinh phí hợp pháp khác.

- Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương tổ chức triển khai thực hiện tốt những nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị trực thuộc Sở và đôn đốc các sở, ngành và các địa phương triển khai thực hiện.

- Cụ thể hóa, triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh.

- Thường xuyên đôn đốc, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện; định kỳ hàng năm tham mưu báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban Thường vụ Tỉnh ủy để theo dõi, chỉ đạo.

2. Sở Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành liên quan và địa phương tham mưu triển khai các giải pháp, các chương trình xúc tiến thương mại, hỗ trợ, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông sản trong và ngoài nước. Đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung cầu, tiêu thụ nông sản tỉnh Bình Thuận giữa các tỉnh, thành, tập trung vào các hệ thống bán lẻ, chuỗi siêu thị trong nước; hỗ trợ các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh hàng nông sản tham gia giao dịch tại các sàn thương mại điện tử. Phối hợp với các sàn thương mại điện tử kết nối với các nhà nhập khẩu nước ngoài, các chuỗi cung ứng trong và ngoài nước.

- Triển khai các chính sách hỗ trợ để thu hút đầu tư nhà máy chế biến nông sản, nhất là thanh long; tiếp tục khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư công nghệ, thiết bị để chế biến các sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và ngoài nước.

3. Sở Khoa học và Công nghệ: Triển khai hiệu quả công tác tuyển chọn các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh mang tính ứng dụng công nghệ cao, đổi mới công nghệ, áp dụng công cụ, quy trình quản lý hiện đại và các chương trình khoa học công nghệ khác nhằm hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý, quản lý, bảo vệ và khai thác, phát triển tài sản trí tuệ, sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện các quy định pháp luật có liên quan theo hướng khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, phát triển thị trường quyền sử dụng đất trong nông nghiệp. Thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp xanh, giảm phát thải và ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông nghiệp nông thôn, bảo tồn đa dạng sinh học. Xử lý triệt để những vướng mắc, tồn tại về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường.

5. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai thực hiện các cơ chế chính sách, hỗ trợ chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xây dựng làng, xã thông minh; triển khai các nội dung về xây dựng hạ tầng số phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; đào tạo nghề gắn với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, hợp tác xã, ...). Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sản xuất kinh doanh nông nghiệp, chế biến, bảo quản nông sản đáp ứng nhu cầu của cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

7. Sở Nội vụ: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực quản lý ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quy định hiện hành và phù hợp với thực tiễn.

8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Thực hiện phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn, du lịch sinh thái gắn với xây dựng nông thôn mới; xây dựng văn hóa nông thôn đậm đà bản sắc dân tộc; phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) cho khách du lịch.

9. Cục Quản lý thị trường: Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về kinh doanh hàng giả, hàng cấm, hàng nhập lậu, hàng không rõ nguồn gốc xuất xứ, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và các hành vi gian lận thương mại khác.

10. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh cân đối vốn đầu tư công trong giai đoạn 2021 - 2030 và hàng năm để thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công và khả năng cân đối ngân sách tỉnh; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương triển khai hiệu quả chính sách thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

11. Sở Tài chính: Hàng năm, trên cơ sở dự toán của các sở, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí sự nghiệp hàng năm cho các sở, ngành để thực hiện Kế hoạch phù hợp với khả năng ngân sách và theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

12. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Bình Thuận: Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Chỉ đạo các tổ chức tín dụng cân đối nguồn vốn đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; rà soát, đơn giản hóa thủ tục vay vốn, đa dạng hóa các sản phẩm tín dụng và tăng cường kết nối giữa ngân hàng với doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân nhằm tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong tiếp cận nguồn vốn tín dụng, tạo điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng để các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư vào dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, công

nghiệp chế biến nông sản, doanh nghiệp đầu mối liên kết trong sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, các hội, hiệp hội ngành hàng, hội nghề nghiệp chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp; tham gia trong công tác truyền thông, phản biện xã hội và vận động thành viên, hội viên, quần chúng nhân dân tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch này, xây dựng kế hoạch thực hiện phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách Trung ương, của tỉnh đã ban hành. Bố trí ngân sách địa phương các cấp, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh kịp thời cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Mặt trận, Đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước - CN Bình Thuận;
- Báo, Đài PTTH Bình Thuận;
- Trung tâm Thông tin;
- Các hội, hiệp hội (Sở NN&PTNT gửi);
- Lưu: VT, KT, Văn.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh